

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10/10/2017.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Nhân.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Bình Thành;

2/ Bà Nguyễn Thị Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 10/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 45/2017/TLST-HN ngày 09/5/2017 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2017, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1975 (*Có mặt*).

2/ Bị đơn: Bà Trương Thị Thanh Th, sinh năm: 1978 (*Có mặt*).

Cả hai trú tại: Đường L, KP2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đinh Công An, Văn phòng Luật sư Tư An, Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Văn Th, sinh năm: 1959 (*Có mặt*).

Trú tại: ấp Ch, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

3.2 Bà Phan Thị Th, sinh năm: 1968 (*Có đơn xin vắng mặt*).

Trú tại: Tổ 12, ấp 3A, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước.

3.3 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: 02, Láng Hạ, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bình N – Giám đốc, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Vĩnh Hưng (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: 08 đường 30/4, khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Được sự đồng ý của gia đình hai bên, năm 2001 ông và bà Th có tổ chức lễ cưới và chính thức sống chung với nhau, có đăng kí kết hôn vào ngày 24/9/2001 tại UBND xã Trường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới, ông và bà Th cùng làm ăn sinh sống tại KP2, thị trấn V, huyện V, Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Nhưng về sau giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau dẫn đến tranh cãi lẫn nhau, bà Th không chăm lo được cho con, ông và bà Th đã ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị Thanh Th.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn Anh Th, sinh ngày 20/8/2002, hiện đang theo sống với ông và Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 11/6/2011, hiện đang theo sống với bà Th. Khi ly hôn, ông yêu cầu được giữ nuôi cháu Th, bà Th sẽ giữ nuôi cháu Ng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tài sản chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng có tạo lập tài sản chung gồm: Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích đo đạc thực tế 179m², loại đất thổ, và 01 căn nhà xây trên đất, diện tích xây dựng 149m², tọa lạc tại đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*hiện bà Trương Thị Thanh Th đang đứng tên*). Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 87m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường Nguyễn An N, thị trấn V, huyện V, Long An (*hiện bà Trương Thị Thanh Th đang đứng tên*).

Nếu ly hôn, ông đồng ý giao thửa đất 160, tờ bản đồ số 7 diện tích đo đạc thực tế 179m² và căn nhà diện tích 149m² trên đất cho bà Th, ông sẽ nhận thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 87m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường Nguyễn An N, thị trấn V, huyện V, Long An (*hiện bà Trương Thị Thanh Th đang đứng tên*), hai bên thanh toán chênh lệch cho nhau nếu có.

Đối với các tài sản khác (*hàng rào, cổng rào, vật dụng trong nhà, cây cối, hoa kiểng có trên đất*) ông đồng ý để lại cho bà Th toàn quyền quản lý, sử dụng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình sống chung ông và bà Th có các khoản nợ chung như sau:

- Nợ ông Lê Văn Th, sinh năm: 1959, trú tại ấp Ch, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An số tiền xây nhà 372.000.000 đồng.

- Nợ ngân hàng No&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện V, tỉnh Long An số tiền 150.000.000đ cùng tiền lãi.

- Nợ bà Phan Thị Th, sinh năm: 1968, trú tại: tổ 12, ấp 3A, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước số tiền 30.000.000 đồng.

Nếu ly hôn, mỗi bên phải trả ½ số nợ. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Bị đơn, bà Trương Thị Thanh Th trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Ph về thời gian cưới nhau, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân bà không thống nhất theo như lời trình bày của ông Ph, nguyên nhân mâu thuẫn bà không chăm sóc con là không đúng, bà và ông Ph sống ly thân từ ngày 11/11/2016 (al) cho đến nay chứ không phải từ tháng 02/2017 như ông Ph trình bày. Nay trước yêu cầu ly hôn của ông Ph, bà cũng đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn Anh Th, sinh ngày 20/8/2002 hiện đang theo sống với ông Ph và Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 11/6/2011, hiện đang theo sống với bà. Nếu ly hôn, bà yêu cầu giữ nuôi hai con chung và yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho mỗi người con, hai con cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

Tài sản chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng có tạo lập tài sản chung gồm: Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích đo đạc thực tế 179m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*hiện bà đang đứng tên*) và 01 căn nhà xây trên đất. Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 87m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường Nguyễn An N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*hiện bà đang đứng tên*).

Nếu ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích đo đạc thực tế 179m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*hiện bà đang đứng tên*) và 01 căn nhà xây trên đất, ông Ph nhận thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 87m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường Nguyễn An N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An, hai bên thanh toán chênh lệch cho nhau nếu có.

Đối với các tài sản khác (*hàng rào, cổng rào, vật dụng trong nhà, cây cối, hoa kiểng có trên đất*) bà thống nhất với ý kiến ông Ph, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung, bà và ông Ph có các khoản nợ chung như sau:

- Nợ ông Lê Văn Th, sinh năm: 1959, trú tại ấp Ch, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An số tiền xây nhà 372.000.000 đồng.

- Nợ ngân hàng No&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện V, tỉnh Long An số tiền 150.000.000 đồng.

- Nợ bà Phan Thị Th, sinh năm: 1968, trú tại: tổ 12, ấp 3A, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước số tiền 30.000.000 đồng.

Nếu ly hôn, mỗi bên phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 500.000.000 đồng. Riêng số tiền 50.000.000 đồng trong tổng số 150.000.000 đồng vay của Ngân hàng, ông Ph tự sử dụng nên phải tự trả. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng No&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện V, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tại phiên hòa giải ngày 09/8/2017, đơn xin vắng mặt và bản kê tính lãi ngày 09/10/2017, trình bày: Ngày 14/9/2016 bà Trương Thị Thanh Th có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số

6610LAV2016.04414/HĐTD vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V, tỉnh Long An số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất trong hạn: 10%/năm; lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay thay đổi theo thông báo của Agribank - Chi nhánh Long An; Mục đích vay: Chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống của hộ gia đình. Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày vay.

Trong quá trình ký kết HĐTD nêu trên, ông Ph và vợ là bà Th có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 6610LAV2016.02014/HĐTC ngày 14/9/2016 được công chứng ngày 15/9/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V; cam kết dùng thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 179m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An, được UBND huyện V cấp giấy CN QSD đất số BH 238728 cho bà Trương Thị Thanh Th ngày 11/12/2012 để đảm bảo cho khoản vay nêu trên.

Hiện tại, vợ chồng bà Th đang có yêu cầu giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng nên Ngân hàng yêu cầu bà Th và ông Ph phải liên đới thanh toán vốn vay và lãi cho Ngân hàng, cụ thể: Vốn vay: 150.000.000 đồng; Tiền lãi từ ngày 14/9/2016 đến ngày 10/10/2017 là 16.791.667 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là: 166.791.667 đồng.

Ngoài ra, bà Th và ông Ph còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tính trên số tiền nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 11/10/2017 cho đến khi thanh toán xong hết số nợ.

Trong trường hợp, bà Th và ông Ph không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị cho phát mãi tài sản bảo đảm là QSD đất thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 179m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An, để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ kiện. Tại đơn kiện đề ngày 04/7/2017, bà trình bày: Nguyên vào ngày 24/9/2016, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th mượn số tiền 30.000.000 đồng, hẹn khi nào có tiền sẽ trả lại bà. Hiện tại, ông Ph và bà Th có yêu cầu xin ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th và ông Ph phải liên đới trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày: Nguyên trước đây ông có bán vật liệu xây dựng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th với tổng số tiền là 722.000.000 đồng, đã trả được 350.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 372.000.000 đồng. Hiện tại, ông Ph và bà Th có yêu cầu xin ly hôn tại Tòa án, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ 372.000.000 đồng giữa ông với bà Th và ông Phú mà để các bên tự thỏa thuận giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn, luật sư Đinh Công An trình bày: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và diễn biến phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ph và bà Th. Về con

chung: Nếu ly hôn, ông Ph yêu cầu tiếp tục giữ nuôi cháu Th, bà Th giữ nuôi cháu Ng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ngược lại, nếu ly hôn, bà Th yêu cầu giữ nuôi hai con chung và yêu cầu cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho mỗi con, hai con là 5.000.000 đồng/tháng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Ph và bà Th về việc chia tài sản chung. Nợ chung: Khoản nợ 372.000.000 đồng của ông Lê Văn Th, do ông Th không yêu cầu nên không đề cập xem xét. Khoản nợ 30.000.000 đồng của bà Th hai bên thống nhất cùng trả nên hai bên cùng liên đới trả. Riêng khoản nợ 150.000.000 đồng của Ngân hàng, bà Th cho rằng ông Ph sử dụng riêng 50.000.000 đồng trong số nợ 150.000.000 đồng nên phải tự trả 50.000.000 đồng, phần nợ còn lại 100.000.000 đồng còn lại hai bên cùng liên đới trả, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ph và bà Th. Về con chung: Ông Ph được tiếp tục giữ nuôi cháu Th, bà Th được tiếp tục giữ nuôi cháu Ng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Ph và bà Th, bà Th tiếp tục sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 160 và căn nhà trên đất, trị giá 950.000.000 đồng, ông Ph được sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 105, trị giá 150.000.000 đồng, bà Th phải thanh toán lại cho ông Ph giá trị tài sản chênh lệch là 400.000.000 đồng. Nợ chung: Khoản nợ 372.000.000 đồng của ông Lê Văn Th, do ông Th không yêu cầu nên không đề cập xem xét. Khoản nợ 30.000.000 đồng của bà Th, hai bên thống nhất cùng trả nên hai bên cùng liên đới trả. Riêng khoản nợ 150.000.000 đồng của Ngân hàng, bà Th cho rằng ông Ph sử dụng riêng 50.000.000 đồng trong số nợ 150.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên có căn cứ xác định số nợ 150.000.000 đồng là khoản nợ chung, hai bên phải cùng liên đới trả.

Vụ kiện đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th và Ngân hàng No&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ kiện, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 04/5/2017, ông Nguyễn Văn Ph có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận cho đương sự được ly hôn với bà Trương Thị Thanh Th. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bà Th cư trú tại huyện Vĩnh Hưng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn ông Ph yêu cầu được ly hôn với bà Th vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa ông và bà Th không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét, hôn nhân giữa ông Ph và bà Th có đăng ký kết hôn, được UBND xã Trường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/9/2001 đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Thanh Th, bà Th cũng đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph. Xét, sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử xét công nhận.

[4] Về con chung: Ông Ph và bà Th có 02 con chung tên Nguyễn Văn Anh Th, sinh ngày 20/8/2002, hiện đang theo sống với ông Ph và Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 11/6/2011 hiện đang theo sống với bà Th. Khi ly hôn, ông Ph yêu cầu tiếp tục giữ nuôi cháu Th, bà Th sẽ nuôi cháu Ng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ngược lại, nếu ly hôn, bà Th yêu cầu giữ nuôi hai con chung và yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ cho mỗi người con, hai con cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000đ. Xét điều kiện sinh sống, làm việc của hai bên, điều kiện sinh hoạt và học tập của hai con chung. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 16/5/2017 cháu Nguyễn Văn Anh Th có nguyện vọng theo sống với cha nếu cha mẹ phải ly hôn nên Hội đồng xét xử xét có căn cứ để cho ông Nguyễn Văn Ph tiếp tục giữ nuôi cháu Th, bà Th tiếp tục giữ nuôi cháu Ng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th thống nhất xác định tài sản chung như sau:

- Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích đo đạc thực tế 179m², loại đất thổ và 01 căn nhà xây trên đất, diện tích xây dựng 149m², tọa lạc tại đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*hiện bà Trương Thị Thanh Th đang đứng tên*), thống nhất giá trị tài sản là 950.000.000 đồng.

- Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 87m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường Nguyễn An N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*hiện bà Trương Thị Thanh Th đang đứng tên*), thống nhất giá trị tài sản là 150.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản chung là 1.100.000.000 đồng. Đối với các tài sản khác (*hàng rào, cổng rào, vật dụng trong nhà, cây cối, hoa kiểng có trên đất*) ông Phú và bà Thủy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử vụ kiện, ông Ph và bà Th thống nhất chia đôi tài sản chung, mỗi người được sở hữu giá trị tài sản chung là (950.000.000 đồng + 150.000.000 đồng)/2 = 550.000.000 đồng. Cụ thể: Bà Th được tiếp tục sở hữu

quyền sử dụng đất thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích đo đạc thực tế 179m², loại đất thổ và 01 căn nhà xây trên đất kết cấu: Móng, cột, dầm bê tông cốt thép; Tường xây gạch; mái ngói thái, diện tích xây dựng 149m², tọa lạc tại đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*Theo mảnh trích đo địa chính số 123-2017 ngày 02/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Vĩnh Hưng*) trị giá 950.000.000 đồng. Ông Ph được sở hữu quyền sử dụng đất thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 87m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường Nguyễn An N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*Theo mảnh trích đo địa chính số 124-2017 ngày 02/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Vĩnh Hưng*), trị giá 150.000.000 đồng. Đồng thời, bà Th phải thanh toán lại cho ông Ph giá trị phần tài sản chênh lệch là 550.000.000 đồng – 150.000.000 đồng = 400.000.000 đồng. Xét, sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử xét công nhận.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th yêu cầu ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th phải liên đới trả số tiền 30.000.000 đồng ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th cũng thống nhất đồng ý liên đới trả bà Th số tiền 30.000.000 đồng ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Xét, sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử xét công nhận.

[7] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng No&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện V, yêu cầu ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th phải liên đới trả số nợ vay, gồm: Vốn vay: 150.000.000 đồng; Tiền lãi từ ngày 14/9/2016 đến ngày 10/10/2017 là 16.791.667 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 166.791.667 đồng. Ngoài ra, bà Th và ông Ph còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tính trên số tiền nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 11/10/2017 cho đến khi thanh toán xong hết số nợ.

Trong trường hợp, bà Th và ông Ph không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị cho phát mãi tài sản bảo đảm là QSD đất thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 179m², loại đất thổ, tọa lạc tại Đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An, để thu hồi nợ.

Xét, ông Ph và bà Th cũng thống nhất trả Ngân hàng khoản vay nêu trên. Tuy nhiên, bà Th chỉ đồng ý cùng ông Ph trả số nợ 100.000.000 đồng, vì cho rằng ông Ph đã sử dụng riêng số tiền 50.000.000 đồng trong số tiền vay trên nên phải tự trả. Xét, số nợ trên do bà Th đứng tên vay, bà Th cho rằng ông Ph sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân, không dùng vào mục đích gia đình nhưng bà Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Ph sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân nên Hội đồng xét xử xác định khoản nợ trên là khoản nợ của chung của ông Ph và bà Th, hai bên phải có trách nhiệm liên đới trả.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày: Hiện tại ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th còn nợ số tiền xây nhà là 372.000.000 đồng. Ông Ph và bà Th cũng thừa nhận hiện tại còn nợ ông Th số tiền xây nhà là 372.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

khoản nợ trên mà để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét giải quyết khoản nợ này. Nếu sau này có xảy ra tranh chấp, sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Riêng đối với các tài sản khác (*hàng rào, cổng rào, vật dụng trong nhà, cây cối, hoa kiểng có trên đất*), hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[6] Án phí: Ông Ph phải chịu án phí hôn nhân theo quy định và phải chịu án phí tính trên giá trị phần tài sản được chia.

Bà Th phải chịu án phí tính trên phần tài sản được chia.

Ông Ph và bà Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho bà Phan Thị Th và Ngân hàng.

Chi phí khác: Chi phí đo đạc, thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 9.750.000 đồng. Mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$. Ông Ph đã nộp xong. Buộc bà Th phải nộp số tiền 4.875.000 đồng để hoàn trả cho ông Ph.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 37, 38, 39, 40, 45, 51, 56, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự. Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Ph được ly hôn với bà Trương Thị Thanh Th.

[2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Ph được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Nguyễn Văn Anh Th, sinh ngày 20/8/2002. Bà Trương Thị Thanh Th được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 11/6/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Thanh Th được tiếp tục sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích đo đạc thực tế 179m², loại đất thổ và 01 căn nhà xây trên đất kết cấu: Móng, cột, đà bê tông cốt thép; Tường xây gạch; mái ngói thái, diện tích xây dựng 149m², tọa lạc tại đường L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*Theo mảnh trích đo địa chính số 123-2017 ngày 02/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Vĩnh Hưng*), hiện bà Trương Thị Thanh Th đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản

lý sử dụng. Ông Nguyễn Văn Ph được sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 87m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường Nguyễn An N, thị trấn V, huyện V, Long An (*Theo mảnh trích đo địa chính số 124-2017 ngày 02/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Vĩnh Hưng*), hiện bà Trương Thị Thanh Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Thủy có nghĩa vụ giao thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn Ph ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th phải có trách nhiệm liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để làm thủ tục sang tên, chuyển quyền theo quy định, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trương Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn Ph số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) giá trị chênh lệch tài sản chung khi chia, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Th số tiền vay là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng No&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện V, các khoản còn nợ gồm: Vốn vay: 150.000.000 đồng; Tiền lãi từ ngày 14/9/2016 đến ngày 10/10/2017 là 16.791.667 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 166.791.667 đồng (*Một trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà Th và ông Ph còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tính trên số tiền nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 11/10/2017 cho đến khi thanh toán xong hết số nợ.

Trong trường hợp, ông Ph và bà Th không thanh toán đúng, đủ số nợ theo Hợp đồng tín dụng số 6610LAV2016.04414/HĐTD ngày 14/9/2016 cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 179m², loại đất thổ, tọa lạc tại đường L, thị trấn V huyện V, tỉnh Long An, để thu hồi nợ.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ph phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 26.000.000 đồng án phí tính trên giá trị phần tài sản chung được chia nhưng được khấu trừ 300.000 đồng và 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo các biên lai thu lần lượt số 0004463, 0004464 ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, ông Ph phải nộp tiếp số tiền án phí là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Bà Trương Thị Thanh Th phải nộp 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) án phí tính trên giá trị phần tài sản chung được chia.

Ông Nguyễn Văn Ph và bà Trương Thị Thanh Th phải liên đới nộp 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí tính trên số tiền phải trả cho bà Phan Thị Th và liên đới nộp số tiền 8.340.000 đồng (*Tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Hoàn trả bà Phan Thị Th 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004526 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*Đại diện Trần Bình N*) 4.065.000 đồng (*Bốn triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004539 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

Chi phí khác: Chi phí đo đạc, thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 9.750.000 đồng. Mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$. Ông Ph đã nộp xong. Buộc bà Th phải nộp số tiền 4.875.000 đồng để hoàn trả cho ông Ph, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh.
- VKSND Huyện.
- CCTHA DS Huyện.
- Các đương sự.
- UBND xã, thị trấn nơi đăng ký kết hôn
- Lưu.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm.
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**

(Đã ký)

Trần Trọng Nhân